

Quan niệm về hạnh phúc của người dân tộc thiểu số

(Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Sơn La)

Đặng Thị Hoa

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Hạnh phúc có thể là điểm đến, nhưng cũng có thể là một quá trình mà mỗi con người chúng ta luôn hướng tới. Dù trong hoàn cảnh nào, với số phận nào, con người cũng vươn lên nhằm đạt tới hạnh phúc theo quan niệm riêng của mình. Các dân tộc thiểu số, trong điều kiện và môi trường sống của từng tộc người, có những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hạnh phúc. Tuy nhiên, nhìn chung, tất cả đều hướng tới những giá trị cốt lõi của cộng đồng. Đó là những quan niệm về sự hy sinh, tính cố kết trong gia đình, cộng đồng và tộc người. Mặc dù vẫn còn nhiều khăn vải vật chất, người dân tộc thiểu số vẫn quan niệm giá trị của hạnh phúc về mặt tinh thần là hết sức quan trọng, mang tính quyết định suy nghĩ và niềm tin của họ về giá trị của cuộc sống hiện tại⁽¹⁾.

Mở đầu

Mỗi con người luôn có niềm tin và mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc không phải của riêng ai và cũng không dành riêng cho một nhóm người, một chế độ xã hội nhất định. Theo quan niệm chung, hạnh phúc là sự thỏa mãn của con người trong bối cảnh, điều kiện sống cụ thể. Ở mỗi cộng đồng, mỗi nhóm cư dân có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc. Hạnh phúc có thể là sự sẻ chia, là tình yêu thương gắn bó của những người

thân thiết hay hạnh phúc đơn giản chỉ là sự hài lòng của bản thân mỗi người trong những điều kiện, bối cảnh cụ thể. Hạnh phúc cũng có thể là niềm vui, là sự sung sướng nhưng cũng có khi là một thành công hay cách nhìn nhận trước những nghịch cảnh của mỗi con người, mỗi số phận.

Theo quan điểm của thuyết tương đối văn hoá do F. Boas⁽²⁾ khởi xướng, mỗi tộc người, mỗi cộng đồng có những khác biệt riêng của mình dựa trên những điều kiện địa lý, xã hội, lịch sử cụ thể và tất cả các cộng đồng cư dân trên thế giới đều bình đẳng về văn hoá. Ở khía cạnh nhân học, con người hoàn toàn có thể thoả mái sống và hài lòng với những gì mà họ có trong điều kiện cụ thể và trong nền văn hoá của chính họ. Văn hoá không phải là mớ lộn xộn, pha tạp mà nó có tính mạch lạc, đi vào khuôn mẫu với sự nỗ lực của từng cá nhân riêng lẻ. Những cá nhân ấy hiểu được cuộc sống của họ và những gì có ý nghĩa đối với họ trong mối quan hệ với các thành viên khác (Emily Schultz, 2001:57, 234).

Hạnh phúc là một giá trị nhân sinh quan trọng bậc nhất của đời sống con người nên ngay từ rất sớm trong lịch sử nhận thức, hạnh phúc đã là đối tượng được mọi tôn giáo và nhiều trường phái triết học quan tâm, đặc biệt là các triết thuyết theo dòng nhân học (Philosophical Anthropology). Các triết thuyết coi hạnh phúc là cái khả nghiệm trong đời sống con người. Đó là quá trình lựa chọn ý nghĩa cho sự sinh tồn của mỗi con người và cả xã hội loài người, dẫu có mang màu sắc chủ quan đến mấy, quá trình đi tìm kiếm hạnh phúc không dễ dàng, nếu không muốn nói là đầy nhọc nhằn, trong đó con người phải trả giá bằng nước mắt, mồ hôi và cả máu nữa (Hồ Sĩ Quý, 2007).

Dựa trên các tiêu chí đánh giá về hạnh phúc của tổ chức OECD và những đặc trưng trong văn hoá Việt Nam, trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định một số tiêu chí được lựa chọn chung cho các nhóm xã hội khác nhau, từ đó phân tích, đánh giá xem tiêu chí nào là phù hợp với các tộc người thiểu số. Nhóm nghiên cứu đưa ra giả định cho rằng hạnh phúc của con người trước hết dựa vào các điều kiện về môi trường tự nhiên (điều kiện cư trú) và điều kiện vật chất, nhóm các yếu tố thuộc về gia đình - xã hội hay đời sống cá nhân.

Để giải thích và minh chứng rõ ràng hơn luận điểm trên, chúng tôi cố gắng tìm hiểu, phân tích quan niệm về hạnh phúc của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc qua nghiên cứu trường hợp cụ thể ở người Mông và người Thái tại tỉnh Sơn La. Kết quả nghiên cứu dựa trên số liệu khảo sát được triển khai với 486 phiếu hỏi đại diện hộ gia đình ở hai dân tộc Mông và Thái tại huyện Mộc Châu của tỉnh Sơn La. Dân tộc Mông có 250 người cư trú tại thị trấn Nông trường; dân tộc Thái có 236 người, cư trú tại xã Mường Sang của huyện Mộc Châu. Tuy có sự phân biệt giữa

vùng đô thị là thị trấn nông trường và vùng nông thôn là xã Mường Sang nhưng đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, điều kiện môi trường sống giữa các vùng này không có sự khác biệt rõ nét.

Về trình độ học vấn, tỷ lệ người Thái có trình độ học vấn bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông (48,7%) cao hơn so với người Mông (17,6%). Trong khi đó, một bộ phận phụ nữ người Mông vẫn đang còn trong tình trạng mù chữ và không nói thạo tiếng phổ thông. Hầu hết các hộ dân thuộc diện khảo sát đều làm nông nghiệp (94%), một số ít là cán bộ cấp xã/phường và cũng tham gia sản xuất nông nghiệp tại gia đình. Về mức sống, hầu hết người Thái và người Mông trong mẫu khảo sát có mức sống trung bình (76,7% và 62%), mức sống nghèo của người Mông khá cao chiếm tới 32% trong khi tỷ lệ hộ khá giả ở người Mông chỉ có 6% và ở người Thái là 14,5%. Có thể nói, đặc điểm về trình độ học vấn, mức sống của người Thái và người Mông tại điểm khảo sát Mộc Châu khá tương đồng với đặc điểm chung về điều kiện kinh tế - xã hội của hai tộc người trong phạm vi cả nước.

Quan niệm về hạnh phúc là những cảm nhận, đánh giá về sự thoả mãn hay hài lòng của mỗi cá nhân trong điều kiện kinh tế, xã hội và bối cảnh văn hoá nhất định. Mỗi cá nhân có những cảm nhận khác nhau tùy thuộc vào những điều kiện sống hay quan điểm, phong cách, lối sống của họ. Do vậy, quan niệm về hạnh phúc cũng hết sức đa dạng. Trong khảo sát này, chúng tôi phân tích các lựa chọn của người dân tộc thiểu số theo quan niệm hạnh phúc ở ba góc độ: kinh tế - vật chất; quan hệ gia đình, cộng đồng, xã hội; và các yếu tố cá nhân. Theo kết quả khảo sát ban đầu tại cộng đồng dân tộc Mông và Thái ở huyện Mộc Châu, hạnh phúc không chỉ là sự thoả mãn về điều kiện vật chất mà còn là sự chia sẻ tình thương yêu, bao bọc, giúp đỡ lẫn nhau giữa những người thân trong gia đình và trong cộng đồng. Sống gắn bó với thiên nhiên, được bao bọc bởi thiên nhiên, con người cảm thấy hạnh phúc khi được hoà mình vào với tự nhiên và với tình thương của gia đình, của cộng đồng. Do vậy, những suy nghĩ, những quan niệm về hạnh phúc của đồng bào các dân tộc thiểu số thường gắn với những giá trị chung về gia đình của cộng đồng tộc người.

1. Quan niệm về hạnh phúc qua trải nghiệm cá nhân

Hạnh phúc được đo đếm dựa trên quan điểm và cách nhìn nhận của mỗi cá nhân trong bối cảnh sống cụ thể của họ, là sự bàng lòng của cá nhân đó với cuộc sống xung quanh. Với người dân tộc thiểu số, hạnh phúc dường như là những điều rất gần gũi trong cuộc sống hàng ngày: là miếng cơm, manh áo, là sự quan tâm của người thân và cộng đồng, nhất là khi họ gặp rủi ro trong cuộc sống.

Hạnh phúc là sự hài lòng với đời sống cá nhân, với sự ổn định và ấm áp trong gia đình, là cách sống có trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình và cũng là sự tin tưởng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Quan niệm này khá phổ biến khi chúng tôi đặt câu hỏi hạnh phúc là gì đối với cả nam và nữ, người cao tuổi và trẻ tuổi, dân tộc Mông và dân tộc Thái ở huyện Mộc Châu.

Mỗi gia đình có những hoàn cảnh khác nhau, mỗi con người có quan điểm khác nhau về cuộc sống, nhưng tựa chung lại, họ có cách nhìn nhận khá đồng nhất trong cộng đồng tộc người của họ: “*Hạnh phúc là sự hài lòng, thoả mãn những việc đã làm, vui vẻ với cuộc sống hiện tại, hoàn thành các ý nguyện của mình và mang lại niềm vui, trách nhiệm chăm lo cho những người thân yêu của mình*” (Thảo luận nhóm cán bộ, thị trấn Nông trường và xã Mường Sang, Mộc Châu).

Theo đánh giá của một số cán bộ địa phương, nói đến hạnh phúc, người dân tộc thiểu số không ngại ngần cho rằng hạnh phúc là tình yêu thương, là sự chia sẻ với nhau giữa các thành viên trong gia đình, là sự hy sinh, lo lắng cho nhau để tránh được các rủi ro trong cuộc sống, là sự giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi có khó khăn hoạn nạn. Cũng từ những quan niệm đó, người dân tộc thiểu số thường sống gắn bó với cộng đồng, hướng tới những giá trị chung của cộng đồng hơn là những nhu cầu hay giá trị cá nhân.

Hạnh phúc là sự yên ổn, hoà thuận trong gia đình. Khi về đến nhà thấy gia đình vui vẻ, đầm ấm là hạnh phúc nhất.

“Tôi thấy hạnh phúc là khi vợ hiểu được tôi, chăm sóc, lo lắng cho tôi. Ví dụ như lần tôi bị say rượu, bị ngã. Khi về đến nhà vợ đưa tôi vào nhà, rửa chân, rửa mặt cho tôi và nói “Tôi chỉ rửa cho ông một lần này thôi đấy”. Khi tỉnh rượu, tôi nghĩ mãi về câu nói đó và thấy mình rất hạnh phúc. Từ đó tôi bỏ rượu và luôn cố gắng để gia đình có một cuộc sống tốt hơn” (PVS nam, 50 tuổi, dân tộc Thái).

“Hạnh phúc là gia đình phải sống đoàn kết, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn, cuộc sống ổn định. Kể cả có nghèo một tí nhưng vợ chồng không xung khắc với nhau, con cái biết nghe lời cha mẹ. Người chồng, người cha phải biết lo toan cho công việc gia đình, người vợ phải biết quản xuyến việc nhà, chăm lo cho con cái, làm việc gì cũng phải bàn bạc, thống nhất với nhau thì như vậy mới có hạnh phúc được” (PVS nữ, 47 tuổi, dân tộc Mông).

Trong bối cảnh kinh tế thị trường và các yếu tố hiện đại hoá đang diễn ra khá nhanh ở một vùng dân tộc thiểu số như thị trấn Mộc Châu, quan niệm về hạnh phúc của nhóm thanh niên cũng không khác nhiều so với lớp người trung niên và cao tuổi. Hạnh phúc gia đình vẫn là tiêu chí quan trọng để các cá nhân hướng đến mặc dù với nhóm thanh niên, việc làm kinh tế để chăm lo cho đời sống gia đình là hết sức cần thiết nhưng tình

cảm, sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ luôn có vị trí đặc biệt quan trọng.

“Em vừa mất bố, em buồn lắm vì bây giờ không có ai để hỏi khi khó khăn. Bố hay hướng dẫn em trong làm ăn, bây giờ bố mất rồi thì không biết hỏi ai. Hạnh phúc đối với em là có đủ cha và mẹ, gia đình quây quần bên nhau” (PVS nam, 28 tuổi, dân tộc Mông).

“Với cá nhân em, em thấy hạnh phúc khi mình là đàn ông, lo lắng được cho cuộc sống gia đình ổn định, giúp đỡ vợ khi vợ em cần, trách nhiệm chăm lo gia đình phải được hoàn thành là quan trọng nhất” (PVS nam, 26 tuổi, dân tộc Thái).

“Em thấy hạnh phúc nhất là khi được ở gần với cha mẹ, gia đình hoà thuận, mọi người hay thăm hỏi nhau. Em có giấy gọi đi học đại học ở Sơn La nhưng nếu bố mẹ muốn em ở nhà lấy chồng thì em cũng sẽ nghe theo lời bố mẹ để được sống gần bố mẹ, chăm lo cho bố mẹ. Đi học thì cũng tốt cho em nhưng phải xa bố mẹ thì em không muốn” (PVS nữ, 18 tuổi, dân tộc Thái).

Hạnh phúc đối lập lại với bất hạnh. Trong quan niệm của đồng bào dân tộc thiểu số, họ cảm thấy bất hạnh khi bị phản đối, bị ngăn cấm những việc mà mình thích làm, muốn làm. Sự bất hạnh đó đôi khi cũng từ lý do thiếu thốn về kinh tế, nhưng quan trọng hơn là họ không nhận được sự chia sẻ về tình cảm và tinh thần. Đối với phụ nữ, do bản tính tự ti khi giao tiếp với bên ngoài nên rất cần người đàn ông của mình bên cạnh để hỗ trợ, giúp đỡ. Đây là lý do quan trọng khiến cho các cặp vợ chồng người Mông thường đi cùng nhau đến chợ hay đến chỗ đông người. Những người phụ nữ Mông thấy tự tin khi đi cùng chồng và những người chồng tâm lý thường không để cho vợ cảm thấy bất an khi giao tiếp với người ngoài. Ngược lại, khi bị ngăn cấm một điều gì đó hoặc bị bỏ mặc không quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ, đối với người phụ nữ, kể cả trẻ em gái, đó là sự bất hạnh lớn nhất trong cuộc sống của họ, thậm chí có những phụ nữ và trẻ em gái đã tìm ăn lá ngón tự tử vì những suy nghĩ tiêu cực.

2. Lựa chọn các yếu tố tạo nên hạnh phúc

2.1. Các yếu tố kinh tế, vật chất và môi trường

Trong điều kiện sống còn nhiều thiếu thốn, đồng bào các dân tộc thiểu số quan tâm nhiều hơn đến yếu tố kinh tế - vật chất đảm bảo các nhu cầu cơ bản trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Tại điểm nghiên cứu thị trấn Nông trường và xã Mường Sang của huyện Mộc Châu, hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào canh tác ruộng, nương. Sản xuất lương thực, rau màu vẫn là nguồn chủ đạo trong thu nhập của hộ gia đình. Mức thu nhập trung bình của các hộ gia đình tại thị trấn Nông trường đạt 2.880.000 đồng/người/tháng, nhưng đối với các hộ gia đình người Mông, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 1.500.000 đồng/tháng. Mức thu nhập như vậy

Bảng 1. Các yếu tố kinh tế, vật chất và môi trường

Yếu tố	Tỷ lệ %	N
Ăn ngon	77,8	389
Có thu nhập ổn định	77,8	389
Mặc đẹp	60,2	301
Có nhà ở riêng	68,4	342
Có việc làm đầy đủ	64,4	322
Môi trường trong lành	37,2	186
An toàn thực phẩm	37,6	188
Làm việc mình thích	28,2	141
Có đủ tiện nghi sinh hoạt	22,4	112
Có tài sản và tiền để dành	20,2	101
Đã thông dịch vụ công tốt	7,2	36

liệu có ảnh hưởng gì đến quan niệm về hạnh phúc của người Mông và người Thái ở Mộc Châu?

Theo kết quả khảo sát, lựa chọn chính của người dân tộc thiểu số ở Mộc Châu chủ yếu tập trung ở yếu tố đảm bảo nhu cầu sống tối thiểu như ăn, mặc, ở và có thu nhập ổn định. Điều này phản ánh việc tìm kiếm và đảm bảo nguồn lương thực cho cuộc sống hàng ngày vẫn là mối quan tâm hàng đầu đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc hiện nay.

Đảm bảo nhu cầu về ăn, mặc, ở là nhu cầu tối thiểu của con người khi họ vẫn còn phải chống chọi với tự nhiên trong điều kiện sản xuất tự cung tự cấp. Tuy nhiên, lựa chọn về vật chất - kinh tế cũng có sự khác biệt khi phân tích về giới tính, nhóm tuổi và mức sống.

Số liệu ở bảng 2 cho thấy phụ nữ vẫn có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu ăn và mặc, trong khi nam giới lại quan tâm nhiều đến việc có đầy đủ tiện nghi và được làm việc mình thích. So sánh giữa hai dân tộc, người Mông quan tâm nhiều hơn đến tài sản để dành trong khi người Thái lại quan tâm nhiều hơn đến an toàn thực phẩm và môi trường trong lành. Cũng có sự khác biệt giữa các nhóm tuổi: nhóm người từ 50 tuổi trở lên quan tâm nhiều hơn đến môi trường sống trong khi nhóm trẻ dưới 30 tuổi lại quan tâm đến lựa chọn được làm việc theo sở thích và có tài sản để dành.

2.2. Các yếu tố liên quan đến gia đình, cộng đồng và xã hội

Các dân tộc thiểu số cư trú thành các làng bản lớn, có mối quan hệ chặt chẽ trong cộng đồng, dòng họ và gia đình. Các mối quan hệ đó đã tạo dựng nên những đặc trưng văn hoá truyền thống có sức sống lâu bền trong cộng

Bảng 2. Các yếu tố về kinh tế, vật chất, môi trường sống phân theo các nhóm xã hội (%)

	Ấn	Mặc ngon	Có nhà đẹp	Có việc ở riêng	Có thu nhập ổn	Làm đãy đủ	Có đầy việc	Có tài mình	Môi trường	An toàn	N
Giới tính	Nam	72,9	55,0	69,9	63,8	75,1	31,4	26,2	20,5	39,3	36,7
	Nữ	81,9	64,6	67,2	64,9	80,1	25,5	19,2	19,9	35,4	38,4
Dân tộc									*	***	**
	Thái	76,7	56,4	68,6	63,1	75,0	23,3	25,8	14,8	46,6	45,8
	Mông	78,5	62,9	67,3	65,7	80,9	33,9	24,3	25,9	27,1	29,9
Mức sống	Khá giả	75,4	61,4	71,9	56,1	77,2	22,8	26,3	19,3	45,6	36,8
	Thung bình	78,9	60,1	68,6	66,3	78,6	28,2	21,7	19,6	35,5	38,1
	Nghèo	76,2	59,4	66,3	63,4	76,2	30,7	22,8	21,8	37,6	35,6
Nhóm tuổi							*	*	*	*	*
	Tren 50 tuổi	84,6	60,6	70,2	69,2	78,8	22,1	25,0	13,5	41,3	30,8
	Từ 31 đến 50 tuổi	77,9	60,9	71,1	60,9	77,9	26,4	22,1	20,4	39,6	38,3
	Từ 30 tuổi trở xuống	73,3	59,0	63,4	66,5	77,0	34,8	21,1	24,2	31,1	41,0
										161	

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

đồng các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Dân tộc Mông và Thái ở huyện Mộc Châu cũng có đặc điểm xã hội chung như vậy. Sống trong cộng đồng làng bản, con người cảm thấy được an toàn, được che chở và bảo vệ trong tình yêu thương của gia đình, dòng họ và cộng đồng. Trong bối cảnh văn hóa đó, lựa chọn các yếu tố tạo nên hạnh phúc thuộc về gia đình, dòng họ, cộng đồng cũng là một đặc điểm tất yếu đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay nói chung và đối với người Mông, người Thái ở Mộc Châu nói riêng.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các ý kiến đều lựa chọn tiêu chí gia đình hoà thuận là yếu tố quan trọng của hạnh phúc. Các yếu tố khác như con cái chăm ngoan, quan hệ họ hàng, láng giềng tốt đều là những lựa chọn quan trọng đối với hạnh phúc của người dân tộc thiểu số. Điều này thể hiện rõ ràng, trong điều kiện sống tự cung tự cấp, khi các hoạt động kinh tế chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của con người là ăn, ở, mặc thì yếu tố tinh thần, tức là các mối quan hệ của con người trong gia đình và cộng đồng luôn có vị trí quan trọng. Trong quan niệm của người Mông, “phải sống như thế nào để đến lúc chết có người khiêng quan tài” hay “đi đâu cũng phải có vợ, có chồng thì mới thấy vui, có hạnh phúc”. Trong quan hệ vợ chồng, phải có sự chia sẻ, hỗ trợ cho nhau như “vợ là cái bếp lò, lúc nào cũng phải đỗ lửa, chồng là cái nồi đặt trên bếp, lúc nào cũng phải có cái gì đó cho vào nồi để nấu chín thì gia đình mới hạnh phúc được” (PVS nam, 45 tuổi, dân tộc Mông).

So sánh về giới tính, nhóm tuổi, mức sống của người dân tộc thiểu số cho thấy các tiêu chí gia đình hoà thuận, con cháu chăm ngoan và có quan hệ họ hàng, láng giềng tốt luôn được người dân tộc thiểu số lựa chọn với tỷ lệ cao. Điều này thể hiện rõ khuôn mẫu lựa chọn tiêu chí về hạnh phúc của người dân tộc thiểu số hướng về những giá trị chung của gia đình và cộng đồng. Không có sự khác biệt chia theo mức sống ở các tiêu chí.

Bảng 3. Các yếu tố quan hệ gia đình, cộng đồng, xã hội

Yếu tố	Tỷ lệ %	N
Gia đình hoà thuận	96,6	483
Con cháu chăm ngoan	89,8	449
Quan hệ họ hàng tốt	75,0	375
Quan hệ láng giềng tốt	58,4	292
An ninh xã hội đảm bảo	54,8	274
Chính quyền thân thiện	18,4	92
Bạn bè tốt	28,4	142

Bảng 4. Các yếu tố về quan hệ gia đình, cộng đồng, xã hội phân theo các nhóm xã hội (%)

	Gia đình	Con cháu	Có quan hệ họ hàng	Quan hệ xã hội	An ninh	Có bạn bè tốt	Chính quyền	Có vị thần	Có vị thiên	N
Giới tính										
Nam	94,3	87,8	75,1	59,8	52,8	31,9	18,3	6,6	229	
Nữ	98,5	91,5	74,9	57,2	56,5	25,5	18,5	4,4	271	
Dân tộc	*	*	*	*	*	*	*	*	*	
Thái	98,7	89,4	72,9	57,6	57,6	20,8	19,1	6,4	236	
Mông	94,8	90,0	76,1	57,8	51,8	36,3	17,9	4,8	251	
Mức sống						*	*	*	*	
Khá giả	96,5	89,5	77,2	66,7	54,4	24,6	14,0	8,8	55	
Trung bình	97,4	89,7	76,2	57,5	53,7	26,4	19,4	6,2	341	
Nghèo	94,1	90,1	70,3	57,4	59,4	36,6	17,8	1,0	101	
Nhóm tuổi						*	*	*	*	
Từ 50 tuổi	99,0	95,2	78,8	65,4	53,8	24,0	13,5	2,9	103	
Từ 31 đến 50 tuổi	96,6	92,8	72,8	58,7	60,0	23,8	21,3	4,3	235	
Từ 30 tuổi trở xuống	95,0	82,0	75,8	53,4	47,8	37,9	17,4	8,7	161	

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

68 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 2, tr. 59-70

Nhóm từ 50 tuổi trở lên lựa chọn nhiều hơn các tiêu chí cho rằng con cháu cần chăm ngoan, học giỏi, có quan hệ láng giềng tốt trong khi nhóm dưới 30 tuổi có tỷ lệ lựa chọn thấp hơn. Tuy nhiên, ở tiêu chí cần có địa vị xã hội cao thì nhóm trẻ lại lựa chọn gấp 3,5 lần so với nhóm cao tuổi.

2.3. Các yếu tố cá nhân

Trong quan niệm của người dân tộc thiểu số ở Mộc Châu, các giá trị cá nhân dường như ít được đề cao. Mỗi cá nhân thường có cách nhìn nhận hài hoà trong các mối quan hệ gia đình và cộng đồng mà ít đề cao các nhu cầu, sở thích của riêng mình. Ngay cả ở nhóm thanh niên, quan niệm phải hy sinh những nhu cầu cá nhân để chăm lo cho hạnh phúc chung của gia đình cũng được đề cao.

“Người đàn ông Mông thường phải quan tâm đến vợ, biết lắng nghe ý kiến của vợ chứ không chỉ chăm lo riêng cho lợi ích cá nhân của mình được” (PVS nam, 28 tuổi, dân tộc Mông).

“Không có hạnh phúc cá nhân thuần túy đâu. Theo em là phải có cả hạnh phúc của vợ và chồng, của các con và cả của ông bà nữa. Chỉ khi nào có đầy đủ tình thương yêu của những người đó thì cá nhân em mới thấy có hạnh phúc. Khi còn thanh niên thì em lo cho bố mẹ, khi lấy vợ, có con thì em lo cho vợ con, chứ bản thân cá nhân em thì em cũng thấy chẳng cần phải lo gì cả. Mà em có lo cho riêng mình em thì làm gì mà có hạnh phúc” (PVS nam, 26 tuổi, dân tộc Thái).

Đặc điểm này khá phổ biến trong cộng đồng các tộc người thiểu số qua khảo sát tại Mộc Châu.

Bảng 5. Các yếu tố cá nhân

Yếu tố	Tỷ lệ %	N
Sức khoẻ tốt	97,2	486
Có thời gian được nghỉ ngơi	70,0	350
Tinh thần, tâm linh yên ổn	59,2	296
Thành công	50,8	254
Năng lực làm việc	40,2	201
Trình độ học vấn	43,0	215
Có niềm tin	36,4	182
Làm việc có ý nghĩa	33,2	166
Có mục tiêu phấn đấu	35,6	178
Thể hiện được năng lực	17,0	85
Thích ứng nhanh	17,2	86

Bảng 6. Các yếu tố cá nhân phân theo các nhóm xã hội (%)

	Có sức khoẻ tốt	Có thời gian nghỉ ngoại	Tình thân, tâm linh yên đìn	Năng lực làm việc	Trình độ học vấn	Làm việc có ý nghĩa	N
Giới tính			***				
Nam	96,5	67,2	56,8	40,6	45,4	39,9	229
Nữ	97,4	72,3	61,3	39,9	41,0	31,7	271
Dân tộc			***				
Thái	97,9	75,8	56,8	30,5	41,5	41,1	236
Mông	96,4	64,5	62,2	49,4	43,4	24,3	251
Mức sống		*	***	*	*		
Khá giả	98,2	56,1	56,1	45,6	56,1	31,6	55
Trung bình	97,7	72,4	60,4	34,3	43,1	34,9	341
Nghèo	95,0	70,3	57,4	56,4	34,7	27,7	101
Nhóm tuổi		***	***				
Tрен 50 tuổi	99,0	79,8	61,5	27,9	46,2	39,4	103
Từ 31 đến 50 tuổi	98,3	73,2	58,7	40,4	44,3	31,9	235
Từ 30 tuổi trở xuống	94,4	59,0	58,4	47,8	39,1	31,1	161

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$, ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

70 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 2, tr. 59-70

Các yếu tố cá nhân được lựa chọn chủ yếu là sức khoẻ tốt và có thời gian nghỉ ngơi với gia đình và người thân. Các yếu tố mang tính phát triển riêng cho cá nhân như trình độ học vấn, làm việc có ý nghĩa hay thể hiện được năng lực của bản thân thì ít được lựa chọn.

Có sự khác biệt khi so sánh giữa nam và nữ, chẳng hạn nữ giới lựa chọn nhiều hơn các tiêu chí cần thời gian nghỉ ngơi và tâm linh, tinh thần được yên ổn. Họ nghèo và có thu nhập trung bình lại mong muốn được nghỉ ngơi nhiều hơn so với họ khá giả và ở nhóm trẻ dưới 30 tuổi thì lựa chọn nhiều hơn tiêu chí thể hiện năng lực làm việc.

Một số nhận xét

Sống trong bối cảnh gắn bó nhiều với thiên nhiên, người dân tộc thiểu số hoà mình nhiều hơn vào với cộng đồng, chịu ảnh hưởng của nền văn hoá tộc người và do đó có chung một khuôn mẫu văn hoá trong quan niệm về hạnh phúc. Tiêu chí kinh tế là hết sức quan trọng để tạo nên hạnh phúc khi đồng bào các dân tộc còn vất vả trong cuộc sống mưu sinh nhưng các tiêu chí về quan hệ gia đình, dòng họ, cộng đồng cũng có vị trí đặc biệt quan trọng. Mạng lưới tình thân của gia đình, dòng họ và cộng đồng đã giúp cho con người cảm thấy được bình an, yên ổn và hài lòng với cuộc sống hiện tại, giúp họ luôn cảm thấy hạnh phúc. Chính vì vậy, các tiêu chí mang tính cá nhân chưa được lựa chọn nhiều trong quan niệm về hạnh phúc của đồng bào dân tộc thiểu số, kể cả với nhóm trẻ dưới 30 tuổi khi chính họ cũng đang chịu nhiều yếu tố tác động của bối cảnh hiện đại hoá, công nghiệp hoá và hội nhập. Hạnh phúc của người dân tộc thiểu số được coi là giản dị khi họ thường không chú trọng đến những lợi ích cá nhân, lo lắng, có trách nhiệm với gia đình; vợ chồng, con cái thương yêu nhau. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết trong khuôn khổ đề tài độc lập cấp Quốc gia: “Hạnh phúc của người Việt Nam: Quan niệm, thực trạng và chỉ số đánh giá”, mã số ĐTĐL.XH-03/15.

⁽²⁾ Franz Boas (1858-1942) - Tiến sĩ Địa lý nhân văn người Đức là người đặt nền tảng của thuyết tương đối văn hóa (Cultural Relativism) nhằm phản đối lại thuyết tiến hoá thế kỷ XIX, coi văn hoá châu Âu là trung tâm.

Tài liệu trích dẫn

Emily A. Schultz. 2001. *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. H.:Nxb Chính trị Quốc gia. Bản dịch tiếng Việt.

Hồ Sĩ Quý. 2007. *Nghiên cứu định lượng về hạnh phúc và chỉ số hạnh phúc (HPI) của Việt Nam*. H.: Niên giám thông tin khoa học xã hội.